CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Viễn thông - Tin học Bưu điện

Ngày 30/06/2025	12,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-4.3%	**-2.5%**	**-5.7%**

DT thuần
Q2/25
287
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 98.0| 51.6%
YoY: ▼402| -58.4%

LN thuần
Q2/25
7.23
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.30| 46.6%
YoY: ▼15.3| -67.9%

LN sau thuế
Q2/25
13.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 8.50| 180%
YoY: ▼1.20| -8.6%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
6.3%
YoY: +/-▲ 2.8%

ROE (TTM)
Q2/25
5.2%
YoY: +/-▼ 0.1%

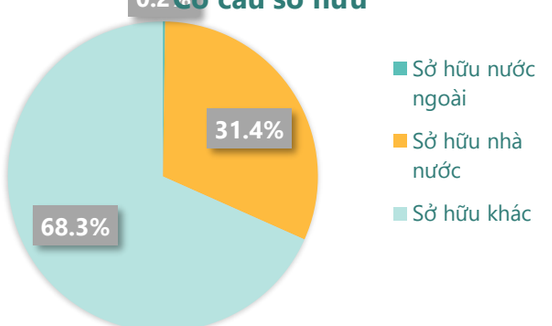
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	10,487 - 14,106
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	396
Số lượng CPLH (CP)	32,185,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	38,095
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	1.04
EPS	1,030
P/E	11.9

DT thuần
6T 2025
475
tỷ VNĐ
YoY: ▼314| -39.8%

LN thuần
6T 2025
12.2
tỷ VNĐ
YoY: ▼12.5| -50.8%

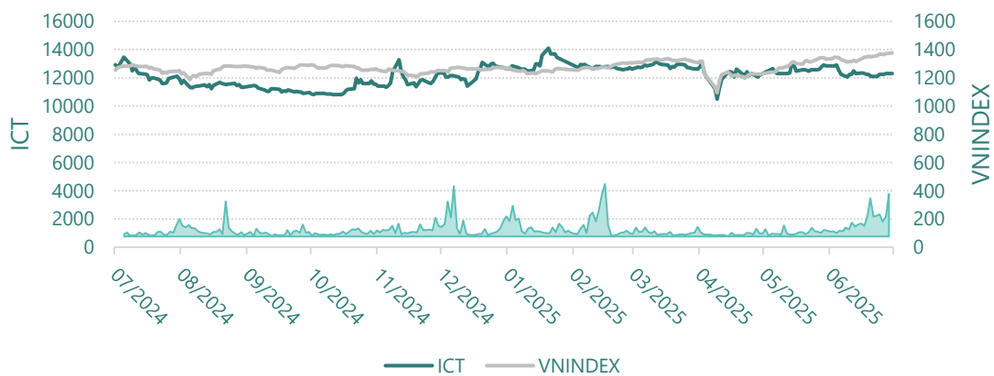
LN sau thuế
6T 2025
17.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.20| 6.7%

Cơ cấu sở hữu

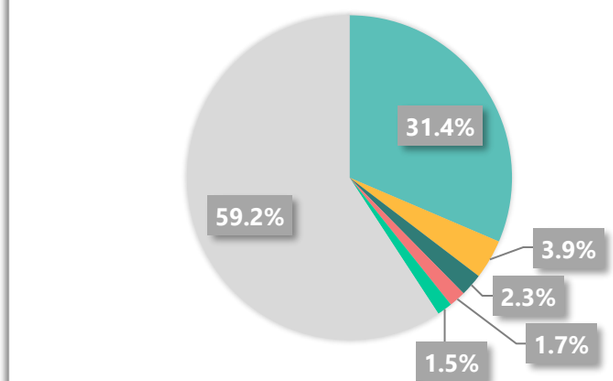


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



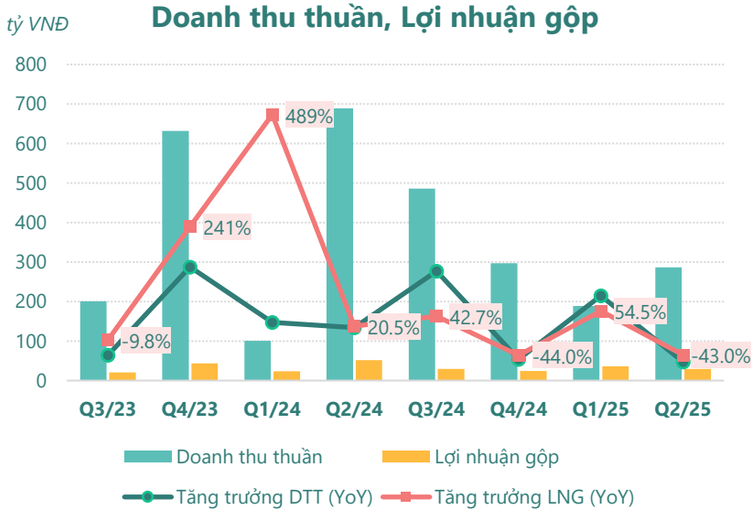
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

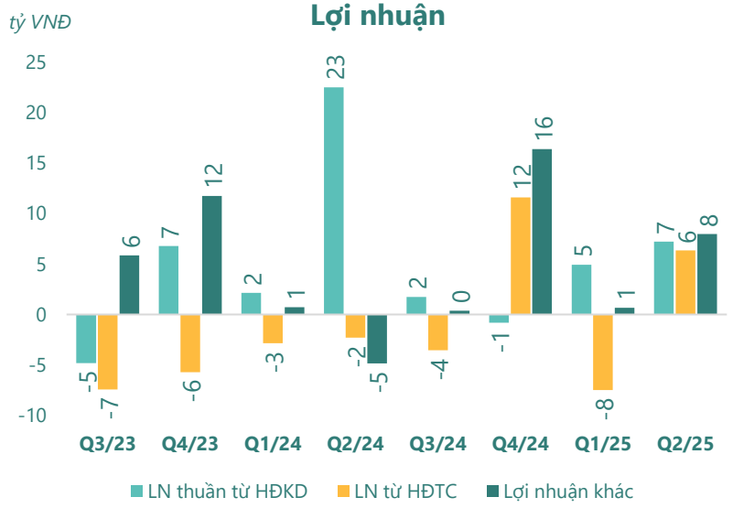
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



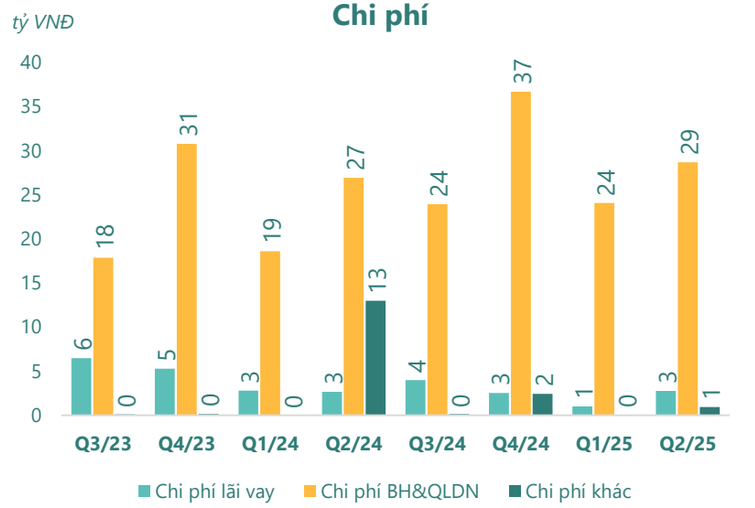
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



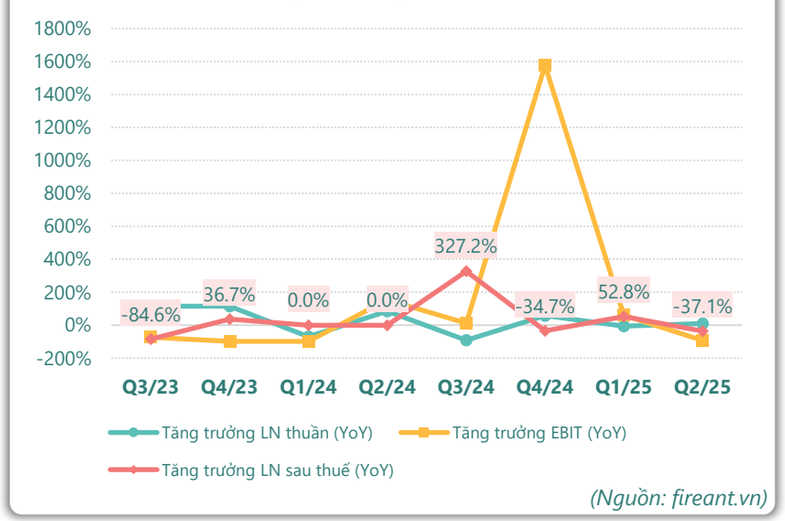
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



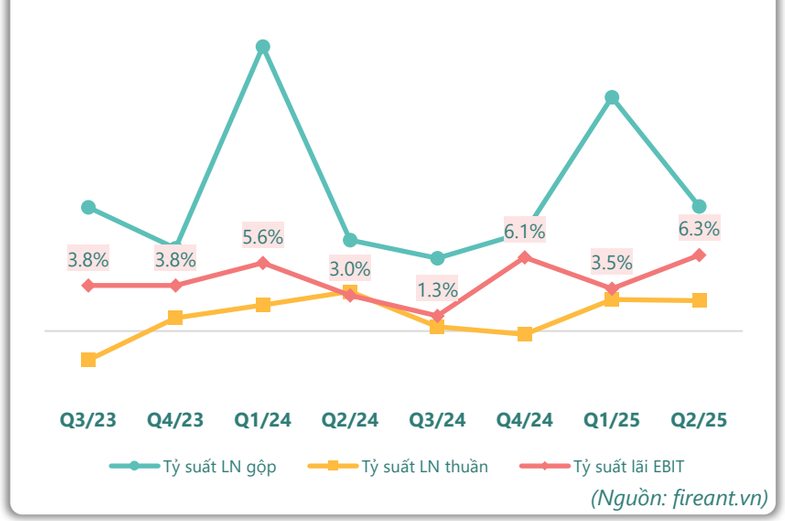
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



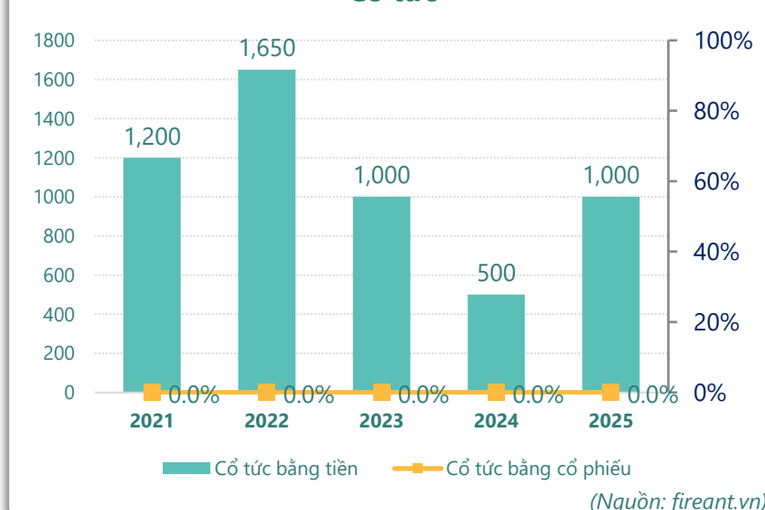
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

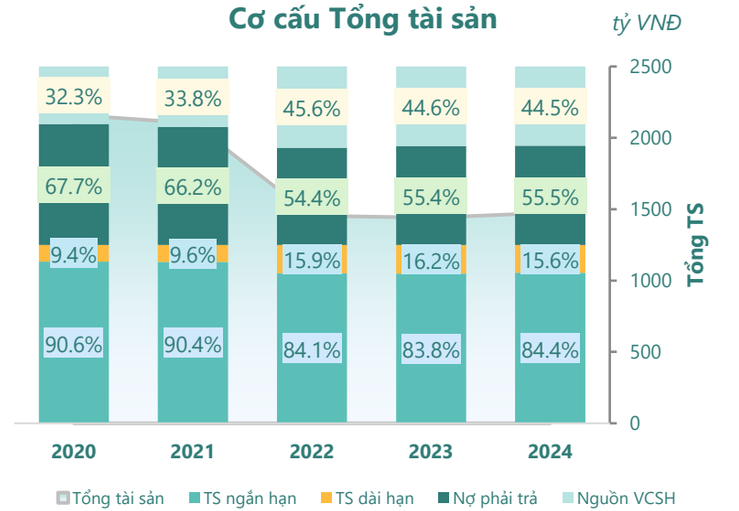
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

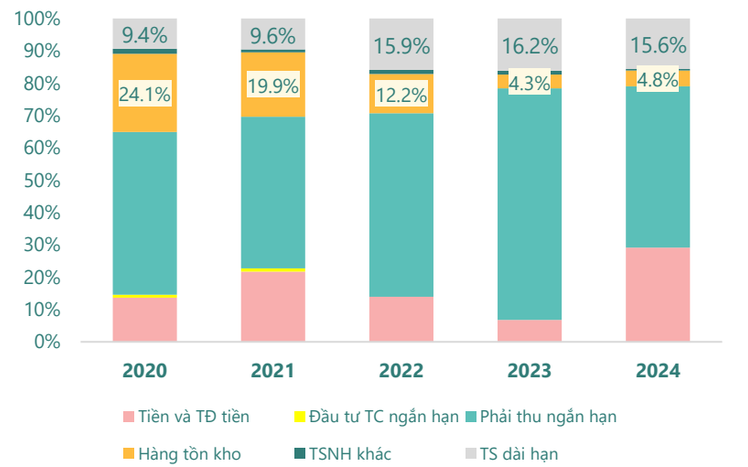
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



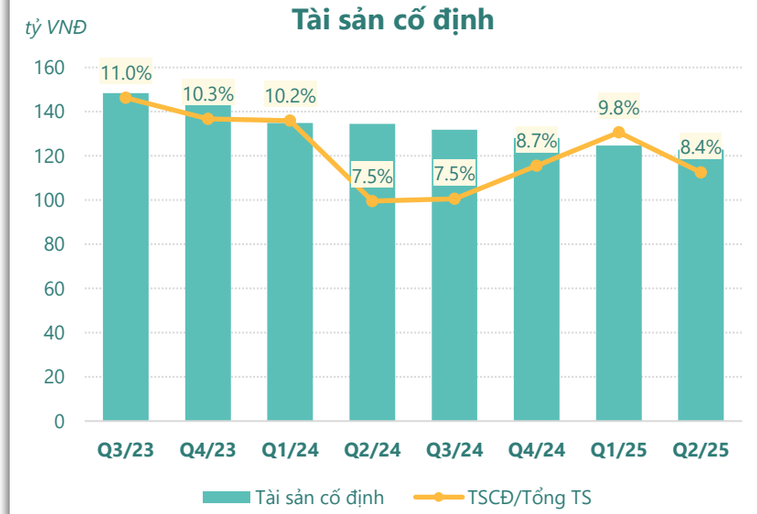
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



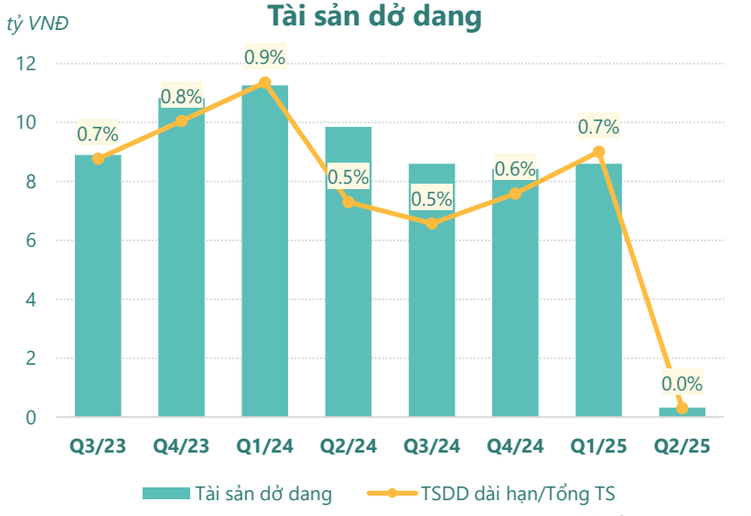
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



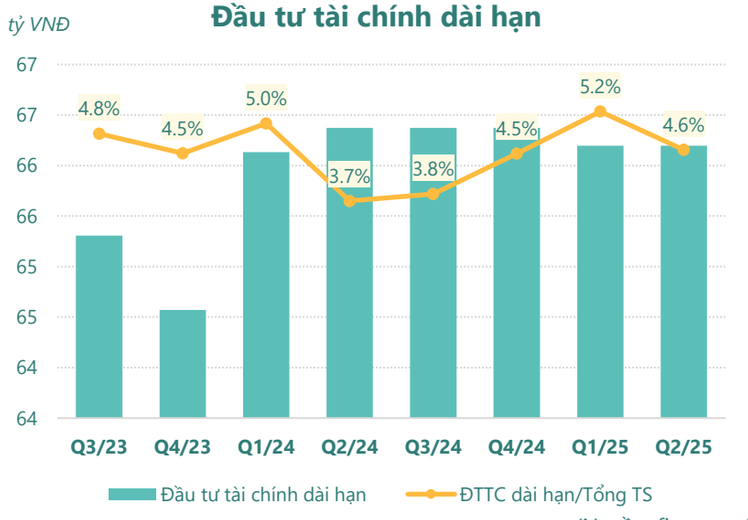
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



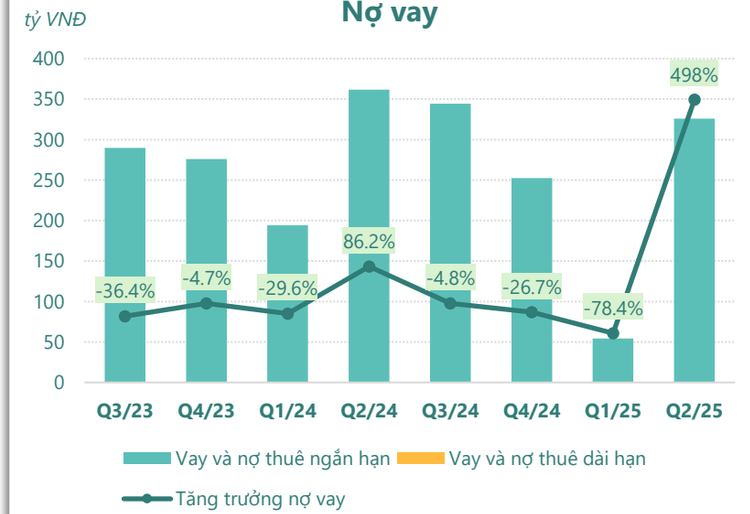
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

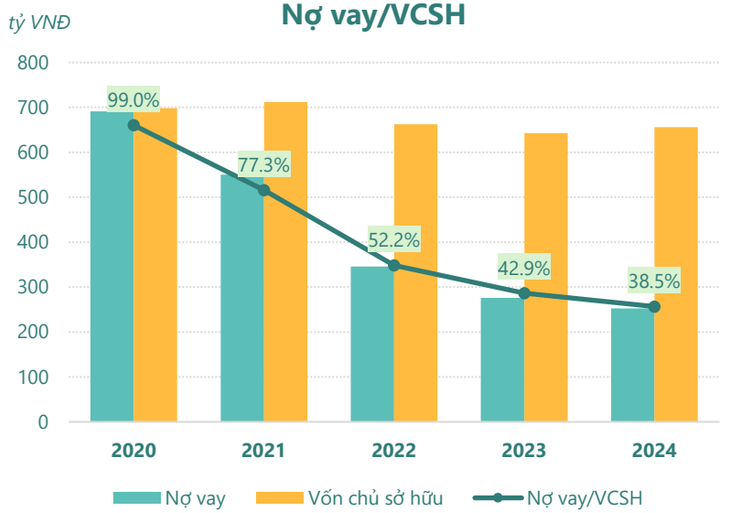
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

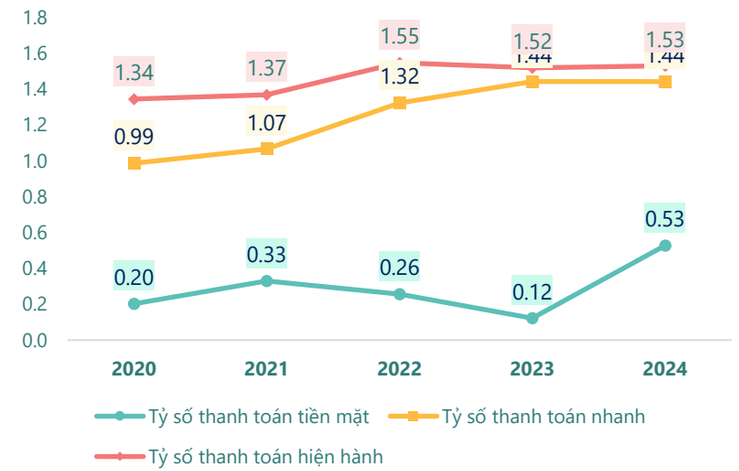
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



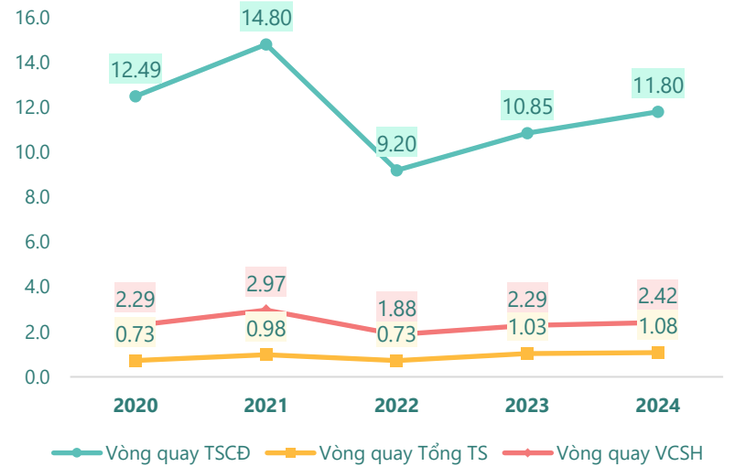
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



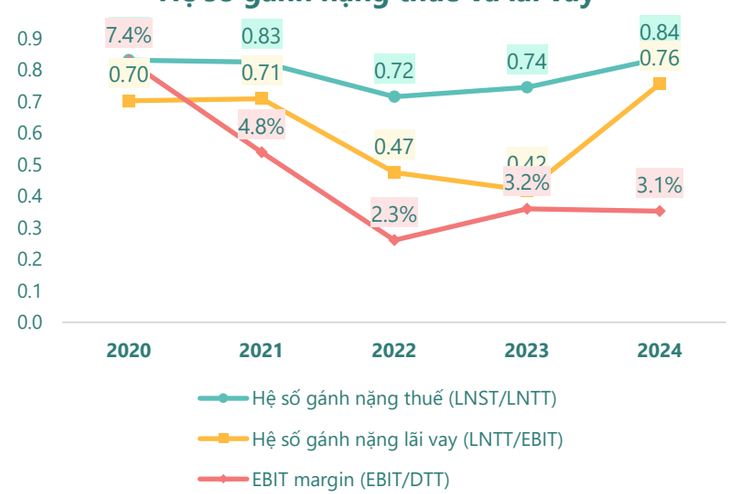
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



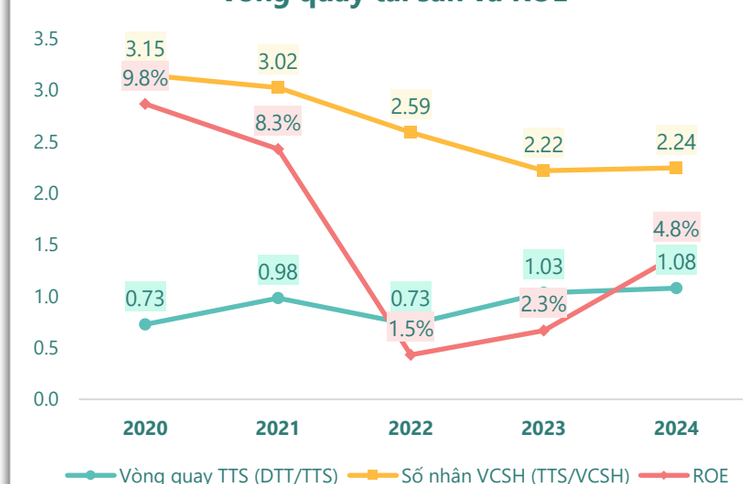
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



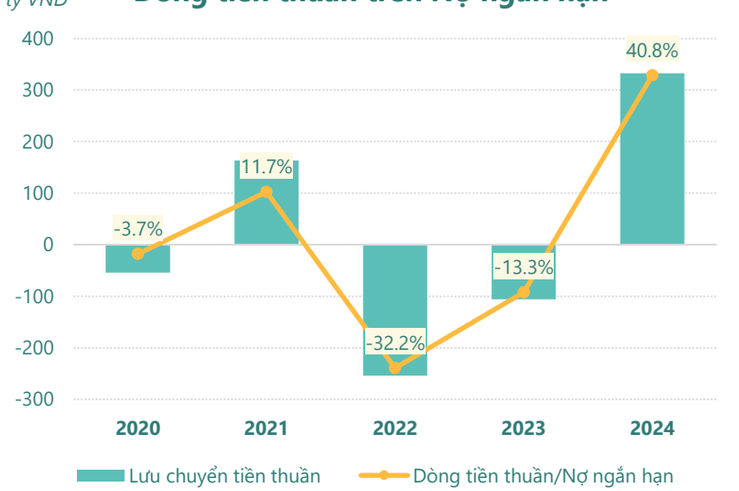
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**287**	**689**	**-58.4%**	**475**	**789**	**-39.8%**
Giá vốn hàng bán	257	637	-59.6%	409	714	-42.7%
Lợi nhuận gộp	29.5	51.8	-43.0%	66.0	75.4	-12.4%
Doanh thu HĐTC	4.19	3.93	6.6%	8.71	4.46	95.5%
Chi phí TC	-2.17	6.23	-135%	9.85	9.62	2.4%
Chi phí lãi vay	2.77	2.66	4.2%	3.79	5.45	-30.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	14.8	14.8	0.3%	27.5	24.4	12.9%
Chi phí QLDN	**13.8**	**12.1**	**14.3%**	**25.2**	**21.2**	**19.1%**
LN thuần từ HĐKD	7.23	22.5	-67.9%	12.2	24.7	-50.8%
Lợi nhuận khác	**7.99**	**-4.84**	**265%**	**8.64**	**-4.12**	**310%**
LN trước thuế	15.2	17.7	-14.1%	20.8	20.6	1.1%
Lợi nhuận sau thuế	**13.2**	**14.4**	**-8.6%**	**17.9**	**16.7**	**6.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**13.2**	**14.4**	**-8.6%**	**17.9**	**16.7**	**6.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	138	-164	158	239	149	-293
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.12	0.05	-0.30	1.63	3.95	11.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-81.7	167	-33.2	-92.1	-198	239
Tiền đầu kỳ	97.3	154	157	282	430	384
Lưu chuyển tiền thuần	**56.3**	**3.78**	**124**	**148**	**-45.2**	**-42.5**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0.01
Tiền cuối kỳ	154	157	282	430	384	342

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,455**	**1,475**	**-1.4%**
Tài sản ngắn hạn	1,237	1,245	-0.6%
Tiền và tương đương tiền	342	430	-20.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	305	736	-58.6%
Hàng tồn kho	545	71.4	663%
Tài sản ngắn hạn khác	45.6	7.19	533%
Tài sản dài hạn	**218**	**231**	**-5.6%**
Phải thu dài hạn	1.55	1.55	0.0%
Tài sản cố định	123	128	-4.2%
Bất động sản đầu tư	8.86	9.21	-3.8%
Tài sản dở dang	0.33	8.41	-96.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	66.2	66.4	-0.3%
Tài sản dài hạn khác	**18.2**	**17.0**	**6.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	817	819	-0.3%
Nợ ngắn hạn	**810**	**814**	**-0.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	326	253	29.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	270	402	-32.9%
Nợ dài hạn	7.05	5.46	29.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**638**	**656**	**-2.8%**
Vốn chủ sở hữu	**638**	**656**	**-2.8%**
Vốn điều lệ	322	322	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)